

KẾT QUẢ THI PHÒNG THI 1205

STT	Mã học sinh	Họ và tên	SBD	Điểm thi						Ghi chú
				Lịch sử	Toán	Địa lí	Tiếng Anh	Ngữ Văn	Sinh học	
1	51663088	Đào Trâm Anh	124005	9	4,5	9	8	7,25	6,5	
2	51671555	Lê Tùng Anh	124013	6,25	3,25	5,25	6,2	5,25	7	12A7
3	51671162	Nguyễn Thế Anh a	124021	8	4,75	8	6,5	7,5	4,3	12A8
4	51670142	Đình Gia Ân	124029	7	3,25	8,5	5,5	5,75	6,8	12A5
5	51670474	Bùi Thị Diệu Châu	124037	7	5,25	9,5	7	7,5	9,5	12A6
6	51669346	Nguyễn Văn Chính	124045	7,25	5	9	7,6	6,75	8,3	12A3
7	51671149	Hà Thế Dũng	124053	8,75	4,25	9,25	5,7	7	7	12A8
8	51670950	Phạm Thanh Duyên	124061	8	5	9,5	7	6,5	6,3	12A7
9	51669661	Đỗ Tiên Đạt	124069	8,75	6,25	9,25	7,4	6,5	7,5	12A4
10	55144642	PHẠM TIÊN ĐẠT	124077	8,75	4	8,75	8,2	7,5	9	12A3
11	51670114	Hoàng Trung Đức	124085	8,75	5,25	8,5	7,8	6	6,8	12A5
12	51648171	Ngô Thu Hằng	124093	8	4	9,5	8,8	7	7,3	12A1
13	51663079	Đoàn Trung Hiếu	124101	7,25	6	9,5	7,6	6,75	7	12A2
14	51670120	Lê Đức Hoàng	124109	7,75	5,5	10	7,2	7	7	12A5
15	51650347	Ngô Thế Hùng	124117	8,25	6,75	9,75	8,5	7,25	9,5	12A1
16	51671159	Nguyễn Quang Huy	124125	7,5	6	10	7,5	7	7,5	12A8
17	51671144	Bùi Khánh Huyền	124133	9,25	5,5	9,75	8,7	7	10	12A8
18	51651603	Bùi Diệp Hương	124141	8	3	9,25	7,8	6	8	12A2
19	51670932	Nguyễn Hữu Khải	124149	4,75	3	9,75	6,2	5,75	5,3	12A7
20	51662550	Nguyễn Trung Kiên	124157	9,25	5,25	9,5	8,5	7,5	8	12A2
21	51670509	Trần Văn Lịch	124165	7,5	3,75	9,5	8,5	7,5	10	12A6
22	51671158	Nguyễn Phương Linh	124173	7,25	6,5	6	7	4,5	4,8	12A8
23	51670512	Vì Thùy Linh	124181	8,75	3,75	8,5	8	7,25	8	12A6
24	51670496	Nguyễn Thành Long	124189	8,25	5	6,25	7	5,5	5,8	12A6
25	51650351	Trần Thị Tuyết Mai	124197	8,25	5,25	9,75	6	7	10	12A1
26	51670117	Lê Thành Nam	124205	8	4,5	6,75	6,5	7	6,5	12A5
27	51671169	Phạm Hồng Ngọc	124213	9	6	8,25	6	7,25	7	12A8
28	51669366	Đặng Thị Nhung	124221	8	6,25	9,5	8,2	7,25	7,5	12A3
29	51669340	Nguyễn Thị Oanh	124229	9	5,5	9,75	8,5	6,75	8,3	12A3
30	51671164	Nguyễn Thị Hồng Phúc	124237	7,75	6	8,5	7,3	6,75		12A8
31	51669358	Vũ Thế Phương	124245	7,5	5,5	9	6,5	7,25	7,5	12A3
32	51669645	Phạm Như Quỳnh	124253	8,75	4,25	6,75	5,8	7,25	9	12A4
33	51662546	Nguyễn Thị Sương	124261	7,25	4,25	8,75	7	7,25	8,5	12A2
34	51650016	Nguyễn Thanh Thảo	124269	9,25	8,75	10	8	8,25	9,3	12A1
35	51671184	Trần Xuân Thiên	124277	9	7,75	8,75	6,7	6,75	5,3	12A8
36	51647618	Bàn Nhật Thuỳên	124285	8,5	4,25	6,75	6,7	6,75	8,5	12A8
37	51671789	Đặng Thị Trang	124293	8,75	7,75	8,5	8	7	8	12A8
38	51671642	Phạm Thùy Trang	124301	7	3,75	6,75	7	6,5	7	12A7
39	51650015	Nguyễn Hương Trinh	124309	7,75	3,5	9,75	7	6	8	12A1
40	51663066	Trần Đình Minh Tú	124317	7,75	3,75	8,75	7,7	4,5	7,3	12A2
41	51670933	Nguyễn Khánh Vân	124325	8	5,25	9,75	7	7	7,8	12A7
42	51669342	Nguyễn Thị Thanh Xuân	124333	9	6,5	9,25	6,5	7,25	8,8	12A3